

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST
Ngày 18 - 8 - 2021
V/ v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An;

Bà Đỗ Thi Kim Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 12
năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 05/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các
đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu 9, thôn C, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

2. Bị đơn: Anh Cao Thế M, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (trước đây là
thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc).

Địa chỉ tại Hàn Quốc: Đường 8-17, Gyeongseo-ro 45 beon-gil, huyện Seogu,
thành phố Incheon, Hàn Quốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23/11/2020, bản tự khai và những lời khai
tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày :*

- Về hôn nhân: Chị và Cao Thế M đăng ký kết hôn tại UBND xã N,
huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 10/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống
cùng nhà với bố, mẹ đẻ anh M là ông Đ, bà X tại thôn N (nay là thôn N), xã N,

huyện L. Năm 2019 anh M đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc. Từ tháng 01 năm 2020 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh M chơi bời, nợ nần nhiều ở bên Hàn Quốc, không quan tâm đến vợ con, chị và anh M ít liên lạc, ít chia sẻ nên tình cảm phai nhạt dần và đến nay cả hai đều xác định tình cảm không còn nữa. Chị đề nghị Tòa án cho ly hôn anh M.

- Về con chung: Chị và Cao Thế M có 01 con chung là cháu Cao Nhật M1, sinh ngày 08/02/2015. Hiện cháu M1 đang được chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu M1. Chị tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị và cháu M1 hiện đang ở cùng với bố, mẹ đẻ của chị ở xã V, huyện L. Hiện nay chị đang làm dịch vụ bán hàng online mỹ phẩm và chăn nuôi tại nhà, thu nhập trung bình 7-10 triệu/ tháng, đủ điều kiện nuôi cháu M1

- Về tài sản chung, riêng và công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt của bị đơn là anh Cao Thế M trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh N kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở thôn N, xã N, huyện L. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ ngày 30/8/2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đầu tư tài chính bị vỡ nợ. Hiện anh đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nữa. Nay chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là cháu Cao Nhật M1, sinh ngày 08/02/2015. Hiện nay cháu M1 đang ở với chị N. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N trực tiếp nuôi con. Chị N không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung nên anh không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, riêng và công nợ: Anh M không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ngoài ra anh M còn trình bày do điều kiện làm việc và sinh sống ở Hàn Quốc nên anh M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cho phép anh vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án. Do anh không có địa chỉ cố định tại Hàn Quốc, thường xuyên thay đổi địa chỉ nên anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng, bản án cho anh theo địa chỉ của bố anh là ông Cao Huyền Đ, sinh năm 1968, ở thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Cao Thế M.

+ Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cao Nhật M1, sinh ngày 08/02/2015. Anh Cao Thế M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng, anh Cao Thế M đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Thế M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Cao Thế M là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, vì kinh tế khó khăn. Vợ chồng đã sống xa nhau từ năm 2019, không quan tâm đến nhau. Hôn nhân giữa chị N và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh M cũng đồng ý, Hội đồng xét xử thấy việc ly hôn giữa chị N và anh M là thực tâm, tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, do vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn anh M.

Tòa án cũng đã làm việc với ông Cao Huyền Đ và bà Nguyễn Thị Xuân là bố mẹ đẻ của anh Cao Thế M. Ông Cao Huyền Đ và bà Nguyễn Thị Xuân cho biết: Quá trình chung sống chị N và anh M không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2019 anh M đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc và làm ăn bị thua lỗ, nợ nần nhiều nên chị N sinh ra chán nản bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông Đ và bà X công nhận bản tự khai đề ngày 12/4/2021, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 12/4/2021 và clip anh M trình bày quan điểm của anh về giải quyết vụ án do anh Cao Thế M gửi từ Hàn Quốc về là chữ viết, chữ ký và hình ảnh đúng là

của anh Cao Thế M. Văn bản của Tòa án gửi cho anh M thì cứ gửi cho ông, ông sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi sang Hàn Quốc cho anh M. Nay, chị Nga xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quan điểm của chị N và anh M.

Ngày 19/7/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có công văn số 128/2021/CV-TA đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an cho biết thông tin về xuất nhập cảnh của anh Cao Thế M, sinh năm 1990, số hộ chiếu C2525281 do Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an cấp ngày 09/12/2016. Ngày 27/7/2021 Cục Quản lý xuất nhập cảnh- Bộ Công an có Công văn số 16717/QLXNC-P5 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xác nhận anh Cao Thế M, đã xuất nhập cảnh 05 lần, lần xuất cảnh gần nhất là vào ngày 14/9/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, càng có cơ sở khẳng định hiện anh M đang ở Hàn Quốc như các đương sự trình bày.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Cao Thế M có 01 con chung là cháu Cao Nhật M1, sinh ngày 08/02/2015, hiện cháu M1 đang ở cùng chị N. Ly hôn chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu M1 và anh M cũng nhất trí để chị nuôi con nên cần xử cho chị N được nuôi con. Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, chị N có chỗ ở ổn định, có công việc và thu nhập hàng tháng nên Hội đồng xét xử không buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[4] Về tài sản chung, riêng và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Những quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Cao Thế M.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Nhật M1, sinh ngày 08/02/2015. Anh Cao Thế M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0009762 ngày 26/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Thời hạn kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã N, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Vĩnh Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn An

Đỗ Thị Kim Thúy

Nguyễn Vĩnh Thành